職員宿舎及び生活管理規程

〇制定（令和４年９月１３日理事会）
〇第１回一部改正（令和５年 11 月 17 日理事会）
〇第２回一部改正（令和６年３月 19 日理事会）

社会福祉法人
大　川　市　福　祉　会

大川市福祉会職員宿舎及び生活管理規程

Quy định quản lý đời sống cho nhà ký túc xá công ty (Bản thảo)

（目的）

Mục đích

第１条　社会福祉法人大川市福祉会（以下「法人」という）は、法人寮入居者（以下「入居者」という）が生活のために必要となる居住を提供するとともに、入居者が日常安全に衛生的に、かつ災害やトラブル等が生じないように本規程を定める。

Điều 1 Tổ chức phúc lợi xã hộ Okawashi (dưới đây gọi là công ty) người sống trong ký túc(dưới đây gọi Người sống trong ký túc)nơi sinh sống cần thiết cho cuộc sống và để người sống trong ký túc có cuộc sống hàng ngày đảm bảo an toàn vệ sinh cũng như không gặp thiệt hại tai nạn hay các rắc rối.v.v. chúng tôi đã đưa ra quy định dưới đây.

（居住地）

Nơi sinh sống

第２条　法人は、下記の住所に入居者居住のための寄宿を設置・貸与する。

寄宿所在地　ア．大川市大字下林字中牟田 560 番地 1

イ．三潴郡大木町大字横溝 335 番地 4

Điều 2 Công ty thiết lập nơi ở dưới đây cho người sống trong ký túc sinh sống.

Địa chỉ nhà ký túc Okawashi oaza shimohayashijinakamuta 560 banchi1

（宿舎としての提供物品）

Các vật dụng cugn cấp trong nhà ký túc

第３条　法人は、入居者に対して以下の物品を提供する。

Điều 3 Công ty sẽ cung cấp cho người sống trong ký túc những vật dụng dưới đây

（1）　入居者１人につき、１部屋の個室を提供する。

Cung cấp cho 1 người sống trong ký túc 1 phòng riêng.

（2）　洗濯室・トイレを入居者に提供する。

Cung cấp cho người sống trong ký túc nhà tắm nhà vệ sinh.

（3）　宿舎を利用する入居者全員が共同で使用するための共用室（リビング・ダイニング等）を提供する。

Cung cấp phòng dùng chung để tất cả những người sống chung trong ký túc có thể dùng chung (Phòng khách, phòng ăn.v.v.)

（4）　生活上で必要となる最低限の生活用具部品（寝具・電化製品・家具・照明設備・倉庫・Wi－Fi 環境等）を入居者に提供する。

Cung cấp cho những người sống trong ký túc các vật dụng cần thiết tối thiểu cho cuộc sống (Chăn mền, đồ điện, đồ gỗ dùng như bàn ghế tủ, thiết bị chiếu sáng, tủ

lạnh,Wifi)

上記以外に必要とするものは、入居者自身が選択し、本人負担によるものとする。

Ngoài những vật dụng đã được chuẩn bị ở trên nếu người sống trong ký túc cảm thấy cần thiết và muốn dùng thì tự mình sẽ bỏ chi phí để mua.

（修理・取替費用）

Chi phí xử lý và thay đổi

第 4 条　法人が提供している建物、部屋、備品設備の修理費または取替費用は原則法人が負担する。ただし、入居者が故意または重大な過失により、物品等を破損させた場合は、入居者に修理費、取替費の全部または一部を負担させることがある。

Điều 4 Đối với các vật dụng như tòa nhà, phòng ngủ, thiết bị công ty cung cấp và chi phí thay đổi về nguyên tắc công ty sẽ chi trả. Tuy nhiên, trường hợp người sống trong ký túc làm hư hỏng hay thiệt hại do vô tình hay cố ý thì chi phí sửa chữa hay thay đổi thực tập sinh sẽ phải chịu phần hoặc tất cả chi phí.

（消耗品、食材）

Đối với các đồ tiêu thụ hay đồ ăn

第 5 条　入居者が使用消費する消耗品や食材の費用は、入居者負担とする。

Điều 5 Đối với đồ dùng tiêu thụ hết hay đồ thực phẩm thì người sống trong ký túc sẽ phải tự chịu chi phí.

（家賃・水道光熱費・互助会費）

Tiền nhà, tiền điện nước ga, hay phí hội hỗ trợ lẫn nhau

第 6 条　入居者が負担する家賃・~~水道光熱費~~・互助会費は、次のとおりとする。

Điều 6 Chi phí người sống trong ký túc phải chi trả về tiền nhà, tiền điện nước ga, hay chi phí hội hỗ trợ lẫn nhau được tính như sau

(1)家賃は、水道光熱費を含み月額 19,000 円とし、金融機関での自動引き落としとする。ただし、水道光熱費は、物価変動にかかわらず固定化し、差額については、その都度調整するものとする。

（月の途中での入居、退居の場合日割り計算とする。）

~~(2) 水道光熱費（実費相当額）は、実習生負担とし、宿舎人数間で按分した金額を金融機関での自動引き落としとする。ただし、入居者が少数の場合は、法人が負担するものとする。~~

Tiền điện nước ga (Tính theo chi phí thực dùng) thực tập sinh sẽ phải tự chi trả, chia theo đầu người và được trừ tự động từ tài khoản ngân hàng
. Tuy nhiên, khi số người sống trong nhà ít thì công ty sẽ chịu một phần chi phí đó.

(2) 入居者が互助会に加入した場合、会費月額 1,000 円は、給与天引きする。

Trường hợp người sống trong ký túc tham gia vào hội hỗ trỡ lẫn nhau thì chi phí tham gia hội　là 1,000 yên một tháng và sẽ được trừ trong lương hàng tháng.

（造作・建物区画変更）

Thay đổi cấu trúc hay kế hoạch xây dựng

第 7 条　宿舎内の入居者による設備造作（原状回復に業者工事等必要となるもの）や建物内区画整備は禁止する。

Điều 7 Cấm người sống trong ký túc không được phép thay đổi cấu trúc (những việc cần phải thi công hay sửa lại về tình trạng ban đầu) hay bảo trì trong tòa nhà.v.v.

（宿舎内への立ち入り）

Cấm vào trong ký túc

第 8 条　宿舎内への入居者以外の者の立ち入り、宿泊、同居は禁止とする。（もし、親族や友人と会う場合でも宿舎以外の場所で会うものとする。）

ただし、宿舎管理者は、管理上必要と認められるときは、立ち入り、または関係者を立ち入らせることができる。（宿舎管理者は、管理者が指名する。）

また、宿舎建物および敷地内でのペット飼育は禁止とする。

Điều 8 cấm người ngoài người sống trong ký túc vào trong ký túc xá, ở lại hay sống cùng.(Trường hợp muốn gặp bố mẹ hay bạn bè thì phải gặp ở bên ngoài).

Tuy nhiên, khi người quản lý ký túc xác nhận và chấp thuận thì có thể váo hoặc người liên quan có thể vào (Người quản lý ký túc là người được chỉ định quản lý)

Ngoài ra, Cấn nuôi động vật cảnh trong nhà ký túc hoặc khi vựa trong đất của ký túc.

（鍵の管理）

Quản lý chìa khóa

第 9 条　宿舎の玄関、居室ドア、倉庫に鍵を設置し、入居者へ鍵を貸与する。

なお、実習生は貸与された鍵につき、自己責任において管理をしなければならない。

Điều 9 Người sống trong ký túc sẽ được mượn chìa khóa cữa ra vào ký túc, cữa phòng riêng, nhà kho. Tuy nhiên, người đó phải có trách nhiệm tự quản lý chìa khóa mình mượn đó.

（安全・災害等対策）

Biện pháp an toàn, thiên tai.v.v.

第 10 条　入居者の生活上の安全・災害等対策は、別紙「入居者安全・災害等対策」のとおりとする。

Điều 10 Biện pháp an toàn và phòng chống thiệt hại trong đời sống người sống trong ký túc được quy định trong giấy khác về『 biện pháp an toàn hay thiệt hại.v.v.』

（衛生・健康等対策）

Biện pháp vệ sinh, sức khỏe

第 11 条　入居者の生活上の衛生・健康等対策は、別紙「入居者衛生・健康等対策」のとおりとする。

Điều 11 Biện pháp vệ sinh và sức khỏe trong đời sống cho người sống trong ký túc được quy định trong giấy khác về『 biện pháp vệ sinh và sức khỏe.v.v.』

附則

本規程は、理事会の決議の日から施行する。

Các điều khoản bổ sung

Quy định này được thực thi từ ngày nhận quyết định sau cuộc họp hội đồng

附則

この規程は、令和５年１１月１７日から施行する。

附則

この規程は、令和６年４月１日から施行する。